TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST Ngày: 03 – 8 – 2023 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Quách Văn Vệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thuý K, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn bà Lê Thuý K trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn phù hợp, gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Bà và ông U có hai người con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/8/2001 và Nguyễn Như N, sinh ngày 26/7/2006. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Như N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Nhật T đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Đơn vắng mặt ngày 27 tháng 7 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông và bà Lê Thuý K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N. Ông và bà K chung sống cũng có cự cãi nhưng không nghiêm trọng. Hiện bà K đã bỏ nhà đi khoảng một tháng nay. Ông vẫn yêu thương và lo cho vợ con, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải dẫn đến ly hôn nên bà K yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà K có hai người con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/8/2001 và Nguyễn Như N, sinh ngày 26/7/2006. Các con hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bận công việc gia đình nên ông U yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Bà K có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thuý K khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn U địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Văn U có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông U tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thuý K và ông Nguyễn Văn U được tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào 12/7/2013, do đó hôn nhân giữa bà K và ông U là hợp pháp. Bà K trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả. Ông U trình bày là trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra cự cãi, nhưng chưa đến mức nghiêm trọng dẫn đến ly hôn, ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà K và ông U là thực tế có xảy ra. Mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà K và ông U vẫn không có biện pháp hàn gắn

tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên toà ngày hôm nay, bà K vẫn cương quyết xin ly hôn với ông U. Xét thấy, hôn nhân của bà K và ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thuý K đối với ông Nguyễn Văn U theo quy định tại khoản 1 Điều Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà K và ông U có hai người con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 16/8/2001 và Nguyễn Như N, sinh ngày 26/7/2006. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Như N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Nhật T đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Ông U có ý kiến là các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Xét thấy, Nguyễn Như N hiện tại chưa đủ 18 tuổi, tại Đơn nguyện vọng ngày 15/7/2023 Nguyễn Như N có nguyện vọng được sống cùng với bà K, do đó giao Nguyễn Như N cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông U không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[4] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thuý K phải nộp 300.000 đồng. Bà K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020500 ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thuý K, bà Lê Thuý K được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Như N, sinh ngày 26/7/2006 cho bà Lê Thuý K nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu đặt ra xem xét. Đối với Nguyễn Nhật T đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Ông U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà K.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thuý K phải nộp 300.000 đồng. Bà K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020500 ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Dung